

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM ĐỊNH

Số: 2093/BVNĐ-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá vật tư xét nghiệm
sử dụng thường xuyên 6 tháng của
Bệnh viện Đa khoa Nam Định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 12 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư xét nghiệm

Bệnh viện Đa khoa Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư xét nghiệm sử dụng thường xuyên 6 tháng của Bệnh viện Đa khoa Nam Định với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Nam Định
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Nam Định; địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.
- Cách tiếp nhận báo giá:
 - Cách thứ 1: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo trên mạng đấu thầu quốc gia (chức năng nhà thầu) tương ứng với yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu hệ thống có chức năng này)
 - Cách thứ 2: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo về địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Nam Định; địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.

4. Thời hạn kết thúc nhận báo giá: 16 giờ 45 phút ngày 22/05/2026

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư xét nghiệm yêu cầu báo giá theo Phụ lục I đính kèm.

* Mỗi nhà thầu chỉ tham gia chào 01 báo giá, báo giá chào theo từng phần/từng gói hoặc toàn bộ theo Phụ lục I. Nhà thầu có thể vận dụng Biểu mẫu báo giá theo Phụ lục II đính kèm. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Nam Định.

3. Thời gian thực hiện: 6 tháng

4. Các thông tin khác: Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo (nếu có)



Bệnh viện Đa khoa Nam Định rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào hàng (báo giá) tốt nhất của quý Công ty/đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Công TTĐT BVĐKND;
- Hệ thống mạng đầu thầu QG;
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Ngọc Hà



Phụ lục I

DANH MỤC VẬT TƯ XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG 6 THÁNG

(Kèm theo văn bản số: 2093/BVND-VTTBYT ngày 12/5/2026 của Bệnh viện ĐK Nam Định)

1. Gói thầu số 1 vật tư xét nghiệm máy huyết học

TT	Tên vật tư xét nghiệm	Đơn vị	Số lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
I	Phần thứ 1: Vật tư xét nghiệm dùng cho giàn định nhóm máu Gelcard			
1	Thẻ xét nghiệm định tính hòa hợp và nghiệm pháp Coombs	Thẻ	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với giàn định nhóm máu Gelcard. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
2	Thẻ xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường, hòa hợp và định nhóm máu ABO	Thẻ	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với giàn định nhóm máu Gelcard. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
3	Thuốc thử hỗ trợ xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu	ml	100.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với giàn định nhóm máu Gelcard. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
II	Phần thứ 2 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402 (huyết học)			
1	Hóa chất pha loãng mẫu	ml	108	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
2	Dung dịch phát tín hiệu điện hóa	lít	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
3	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	lít	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
4	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	lít	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
5	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng	cái	7.560	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
6	Dung dịch vệ sinh máy	ml	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
7	Tế bào đo xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.	cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
8	Hộp dùng để chứa mẫu	cái	5.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
9	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính HBsAg	test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
10	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định	ml	62,4	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét

	tính HBsAg			nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
11	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	ml	62,4	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
13	Thuốc thử chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O và HIV-2	test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1 (bao gồm nhóm O) và HIV-2	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
III	Phần thứ 3 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm huyết học XR10			
1	Dung dịch kiểm rửa máy huyết học	ml	480	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
2	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	lít	3.600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
3	Dung dịch đo hemoglobin	ml	36.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
4	Dung dịch nhuộm dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	ml	1.512	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
5	Dung dịch ly giải dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	lít	150	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
6	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 1	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
7	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 2	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
8	Vật liệu kiểm soát huyết học mức 3	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
9	Dung dịch ly giải dùng để đếm bạch cầu ưa bazơ	lít	60	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
10	Dung dịch nhuộm dùng để đếm bạch cầu ưa bazơ	ml	1.476	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
11	Dung dịch pha loãng để đo hồng cầu lưới	ml	2.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
12	Dung dịch nhuộm để đo hồng cầu lưới	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7

13	Chất hiệu chuẩn huyết học	ml	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
14	Dung dịch nhuộm để đo tiểu cầu huỳnh quang	ml	24	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
15	Vật liệu kiểm soát cho dịch cơ thể mức 1	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
16	Vật liệu kiểm soát cho dịch cơ thể mức 2	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm huyết học XR10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7

2. Gói thầu số 2 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402 (vi sinh)

TT	Tên vật tư xét nghiệm	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
1	IVD là chất pha loãng mẫu	ml	72	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm cobas e 402. Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
2	IVD là chất pha loãng mẫu	ml	72	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Thành phần: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
3	IVD là dung dịch phát tín hiệu điện hóa	lít	40	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
4	IVD là dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	lít	40	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
5	IVD là dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	lít	40	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
6	IVD là đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng	cái	7.560	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
7	IVD là dung dịch vệ sinh máy	ml	2.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
8	Tế bào đo xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đóng gói 1 cái	cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
9	IVD là hộp dùng để chứa mẫu	cái	5.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
10	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính HBsAg	test	1.800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
11	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBsAg	ml	20,8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

12	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính HBeAg	test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBeAg	ml	20,8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch cobas e 402. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

3. Gói thầu số 3 vật tư xét nghiệm sinh hóa

TT	Tên vật tư xét nghiệm	Đơn vị	Số lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
I	Phần thứ 1 vật tư vật tư xét nghiệm máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700			
1	Đo hoạt độ amylase	ml	320	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
2	Định lượng Triglycerid	ml	3.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
3	Định lượng Albumin	ml	464	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
4	Đo hoạt độ ALT	ml	9.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
5	Đo hoạt độ AST	ml	6.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
6	Định lượng Bilirubin trực tiếp	ml	320	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
7	Định lượng Bilirubin toàn phần	ml	320	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
8	Định lượng Cholesterol	ml	360	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
9	Đo hoạt độ GGT	ml	640	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
10	Định lượng Glucose	ml	4.800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
11	Định lượng Creatinin	ml	8.160	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa

				AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
12	Đo hoạt độ CK	ml	256	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
13	Định lượng Ure	ml	5.512	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
14	Định lượng Canxi	ml	232	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
15	Định lượng acid uric	ml	480	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
16	Định lượng Protein	ml	768	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
17	Định lượng sắt	ml	360	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
18	Định lượng Lactate	ml	960	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
19	Đo hoạt độ Cholinesterase	ml	144	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
20	Đo hoạt độ Lipase	ml	960	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
21	Định lượng HDL-C	ml	4377,6	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
22	Chuẩn HDL-C	ml	9	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
23	Định lượng LDL-C	ml	4377,6	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
24	Chuẩn LDL-C	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ

				Châu Âu, G7
25	Nội Kiểm tra chất lượng HDL-C, LDL-C	ml	60	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
26	Định lượng CRP	ml	1.680	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
27	Chuẩn CRP	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
28	Định lượng RF	ml	384	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
29	Chuẩn RF	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
30	Kiểm tra chất lượng CRP, RF mức 1	ml	18	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
31	Kiểm tra chất lượng CRP, RF mức 2	ml	18	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
32	Kiểm tra chất lượng CRP, RF mức 3.	ml	18	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
33	Định lượng Protein niệu	ml	76	Có chuẩn đi kèm. Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
34	Kiểm chuẩn cho xét nghiệm Protein niệu mức 1	ml	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
35	Kiểm chuẩn cho xét nghiệm Protein niệu mức 2	ml	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
36	Kiểm chuẩn cho xét nghiệm Protein niệu mức 3	ml	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
37	Chuẩn đa năng	ml	50	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm: Amylase, Triglycerid, Albumin, ALT, AST, Bilirubin trực tiếp, Bilirubin toàn phần, Cholesterol, GGT, Glucose, Creatinin, CK, Ure, Canxi, Acid uric, Protein, Sắt, Lactate, Cholinesterase, Lipase. Sử

				dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
38	Nội kiểm tra chất lượng chung mức 1	ml	100	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: Amylase, Triglycerid, Albumin, ALT, AST, Bilirubin trực tiếp, Bilirubin toàn phần, Cholesterol, GGT, Glucose, Creatinin, CK, Ure, Canxi, Acid uric, Protein, Sắt, Lactate, Cholinesterase, Lipase. Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
39	Nội kiểm tra chất lượng chung mức 2	ml	100	Thành phần có hoạt tính: Natri hidroxit, Axit sulphonic, Genapol X080, Baypure. Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
40	Dung dịch rửa máy	lít	190	Thành phần có hoạt tính: Natri hidroxit, Axit sulphonic, Genapol X080, Baypure. Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800 và máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
41	Roller Tubing (Ống dây bơm)	Cái	3	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
42	Đèn quang kế	Cái	3	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
43	Kim hút mẫu	Cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
44	Xi lanh hút mẫu	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
45	Xi lanh hút hóa chất	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
46	Xi lanh rửa loại 2	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
47	Giá mẫu bệnh phẩm	Hộp	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa AU5800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
48	Dung dịch vệ sinh các bộ phận	ml	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
49	Chất hiệu chuẩn ISE mức cao	ml	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
50	Chất hiệu chuẩn ISE mức thấp	ml	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7

51	Chất hiệu chuẩn ISE mức trung bình	lít	200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
52	Dung dịch tham chiếu ISE	lít	32	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
53	Dung dịch đệm ISE	lít	144	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
54	Điện cực Cl-	Cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
55	Điện cực K+	Cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
56	Điện cực Na+	Cái	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
57	Điện cực Ref	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
58	Đèn quang kế	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
59	Dây bơm trực lặn	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa DxC700. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu, G7
II	Phần thứ 2 vật tư xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa Monarch 400			
1	Hoá chất định lượng Urea	ml	2.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
2	Hóa chất định lượng Glucose	ml	1.600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
3	Hóa chất định lượng Creatinin	ml	3.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
4	Hoá chất định lượng Acid Uric	ml	250	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
5	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	ml	440	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
6	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	ml	440	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
7	Hoá chất định lượng Protein toàn phần	ml	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
8	Hóa chất định lượng Albumin	ml	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7

9	Hóa chất định lượng Calci toàn phần	ml	250	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
10	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	ml	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
11	Hoá chất định lượng Triglycerid	ml	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
12	Hóa chất định lượng HDL-C (trực tiếp)	ml	640	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
13	Hóa chất định lượng LDL-C (trực tiếp)	ml	640	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
14	Hoá chất đo hoạt độ GOT/AST	ml	3.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
15	Hoá chất đo hoạt độ GPT/ALT	ml	3.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
16	Hoá chất đo hoạt độ GAMMA GT	ml	480	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
17	Hoá chất đo hoạt độ Lipase	ml	168	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
18	Hoá chất đo hoạt độ Amylase	ml	160	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
19	Hoá chất đo hoạt độ CK-NAC	ml	120	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
20	Hoá chất định lượng Lactate	ml	260	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
21	Hóa chất hiệu chuẩn Lactate	ml	10	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
22	Hóa chất kiểm chuẩn Lactate 2 mức	ml	10	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
23	Hóa chất định lượng sắt	ml	130	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
24	Hoá chất định lượng Ethanol (Cồn)	ml	200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
25	Hóa chất chuẩn Ethanol	ml	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
26	Hóa chất kiểm chuẩn Ethanol mức bình thường	ml	100	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc

				trương đương. Xuất xứ G7
27	Hóa chất kiểm chuẩn Ethanol mức cao	ml	100	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
28	Hóa chất hiệu chuẩn sinh hóa thông thường	ml	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
29	Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa thông thường mức bình thường	ml	25	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
30	Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa thông thường mức cao	ml	25	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
31	Hóa chất hiệu chuẩn HDL. LDL. CK-MB. CHE	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
32	Hóa chất kiểm chuẩn HDL. LDL. CK-MB.CHE mức 1	ml	28	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
33	Hóa chất kiểm chuẩn HDL. LDL. CK-MB. CHE mức 2	ml	28	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy sinh hóa Monarch 400. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
34	Extran MA05/ Nước rửa	ml	20.000	Sử dụng được cho máy sinh hóa Monarch 400
35	Bóng đèn Halogen	Cái	2	Sử dụng được cho máy sinh hóa Monarch 400
III	Phần thứ 3 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801			
1	Chất pha loãng mẫu	ml	108	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Thành phần: hỗn hợp protein, chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
2	Chất pha loãng mẫu	ml	144	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Thành phần: đệm huyết thanh ngựa, chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
3	Dung dịch điều hòa điện cực, rửa phản ứng, tạo tín hiệu điện hóa	Lít	220	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
4	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	Lít	120	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
5	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	Lít	240	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
6	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng	cái	151.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
7	Dung dịch vệ sinh máy	ml	500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
8	Hộp dùng để chứa mẫu	cái	10.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 22 thông số miễn dịch	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
10	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGHm Insulin, IL-6, PIGF, sFlt	ml	24	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
11	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 12 thông số miễn dịch	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
12	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, BCTx, Osteocalcin, PTH, PINP, Vitamin D, Calcitonin	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
13	Ống nhựa rỗng có nắp đậy để đựng mẫu chuẩn	Cái	112	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
14	Ống nhựa rỗng có nắp đậy để đựng mẫu chứng	Cái	112	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
15	Bộ xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	Test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng hs Troponin T	Test	7.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng hs Troponin T	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Troponin T, Troponin I	ml	32	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng NT-proBNP	Test	2.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
21	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CK-MB, Digitoxin, Digoxin, GDF-15, Myoglobin và NT-proBNP	ml	40	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
22	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	Test	3.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
23	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Test	2.100	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

26	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3	Test	700	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
27	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	Test	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4	Test	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
31	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA72-4	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
33	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
35	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do	Test	200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	Test	1.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
39	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
40	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng SCC	Test	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
42	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa của collagen	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

	type I (Beta crosslaps)			hoặc tương đương
44	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa của collagen type I (Beta crosslaps)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	Test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nội tiết tố tuyến cận giáp (PTH)	Test	1.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
48	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng nội tiết tố tuyến cận giáp (PTH)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Test	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
50	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	Test	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
52	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine (T4)	Test	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
54	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng thyroxine (T4)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine toàn phần (T3)	Test	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
56	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng triiodothyronine toàn phần (T3)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroglobulin (TG)	Test	900	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
58	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng thyroglobulin (TG)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Test	1.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	ml	10	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

61	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TPO (Anti-TPO)	Test	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TPO (Anti-TPO)	ml	6	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
63	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroglobulin (Anti-TG)	Test	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
64	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroglobulin (Anti-TG)	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
65	Thuốc thử xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR (TRAb)	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
66	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR (TRAb)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
67	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TSHR, TPO và Tg	ml	16	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
68	Thuốc thử xét nghiệm định lượng calcitonin người (thyrocalcitonin)	Test	1.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng calcitonin người (thyrocalcitonin)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
70	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm bán định lượng tự kháng thể IgG kháng CCP (Anti-CCP)	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
71	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm bán định lượng tự kháng thể IgG kháng CCP (Anti-CCP)	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
72	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACTH	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
74	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol	Test	600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
76	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng cortisol	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas e 801. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
IV	Phần thứ 4 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800			
1	Giếng phản ứng	Chiếc	50.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO

				13485 hoặc tương đương
2	Dung dịch rửa phản ứng	lít	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
3	Dung dịch cơ chất phản ứng	ml	6.240	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
4	Dung dịch rửa máy cuối ngày 1	Bình	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
5	Dung dịch rửa máy cuối ngày 2	Bình	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
6	Dung dịch dùng để kiểm tra bảo trì máy	ml	24	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
7	Định lượng Ferritin	Test	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
8	Chuẩn Ferritin	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
9	Định lượng Cortisol	Test	500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
10	Chuẩn Cortisol	ml	72	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
11	Định lượng T4 toàn phần	Test	400	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
12	Chuẩn T4 toàn phần	ml	48	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
13	Định lượng TSH	Test	1.500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
14	Chuẩn TSH	ml	45	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
15	Định lượng T3 toàn phần	Test	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
16	Chuẩn T3 toàn phần	ml	72	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
17	Định lượng T4 tự do	Test	1.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
18	Chuẩn T4 tự do	ml	45	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

19	Định lượng T3 tự do	Test	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
20	Chuẩn T3 tự do	ml	45	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
21	Định lượng TG	Test	1.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
22	Chuẩn TG	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
23	Chuẩn A-TG	ml	33	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
24	Anti-TPO	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
25	Chuẩn Anti-TPO	ml	36	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
26	Chuẩn CEA	ml	45	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
27	Định lượng AFP	Test	1.100	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
28	Chuẩn AFP	ml	53	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
29	FPSA	Test	200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
30	Chuẩn FPSA	ml	70	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
31	Định lượng PCT	Test	300	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
32	Chuẩn PCT	ml	28	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
33	Định lượng CA19-9	test	400	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
34	Chuẩn CA19-9	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
35	Định lượng CA15-3	test	500	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
36	Chuẩn CA15-3	ml	27	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO

				13485 hoặc tương đương
37	CA 125	test	100	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
38	Chuẩn CA 125	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
39	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm ung thư mức 1	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
40	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm ung thư mức 2	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
41	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm ung thư mức 3	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
42	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm nhiễm khuẩn mức 1	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
43	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm nhiễm khuẩn mức 2	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
44	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm nhiễm khuẩn mức 3	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
45	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 1	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
46	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 2	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
47	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 3	ml	15	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
48	Van mô vịt	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
49	Dây bơm nhu động hút mẫu	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
50	Kim hút mẫu	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
51	Kim hút thuốc thử	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch UNICEL DxI 800. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
V	Phần thứ 5 vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360			
1	Chuẩn Troponin I	ml	18	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
2	Định lượng BNP	Test	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

				hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
3	Chuẩn BNP	ml	24	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
4	Nội Kiểm tra chất lượng BNP 2 mức	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
5	Định lượng cortisol	Test	800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
6	Chuẩn Cortisol	ml	12	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
7	Nội kiểm tra miễn dịch mức 1	ml	5	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
8	Nội kiểm tra miễn dịch mức 2	ml	5	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
9	Nội kiểm tra miễn dịch mức 3	ml	5	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
10	Chuẩn hệ thống	Test	200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
11	Dung dịch rửa phản ứng	ml	5.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
12	Dung dịch pha loãng phản ứng	ml	2.800	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
13	Dung dịch cơ chất phản ứng	ml	2.600	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
VI	Phần thứ 6 vật tư xét nghiệm dùng cho máy phân tích khí máu GREM 3500 và máy xét nghiệm HbA1c			
1	Cartridge IQM khí máu, điện giải, Glu, Lac và Hct - 150 tests 3 tuần. (Đo các thông số: pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate)	Test	1.725	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy phân tích khí máu GREM 3500. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
2	Cột sắc ký lỏng cao áp	Cột	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
3	Miếng lọc (G11 Filter)	Chiếc	10	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
4	Hemoglobin A1c Calibrator Set	ml	32	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
5	Hemoglobin A1c Control Set	ml	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu

6	HSi Hemolysis & Wash Solution (L)	ml	28.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
7	Dung dịch đệm đẩy mức 1	ml	14.400	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
8	Dung dịch đệm đẩy mức 2	ml	12.000	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
9	Dung dịch đệm đẩy mức 3	ml	3.200	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm HbA1c. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
VII	Phần thứ 7 vật tư xét nghiệm máy điện giải ISE 5000			
1	Reagent Pack SFRI for ISE 5000	Thùng	20	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
2	ISE calibration	Lọ	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
3	Weekly cleaning solution	Lọ	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
4	Na conditioner	Lọ	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
5	ISE Control (Na ⁺ , K ⁺ , Cl, Ca ⁺⁺)	Lọ	2	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
6	Na electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
7	K electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
8	Cl electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
9	pH electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
10	Ca electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
11	Ref electrode /sensor	Cái	1	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
12	Dây bơm nhu động máy điện giải ISE 5000	Bộ	8	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
13	K Filling Solution	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu

14	pH Na Cl Filling Solution	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
15	Ca Filling Solution	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
16	Ref Filling Solution	ml	30	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy xét nghiệm điện giải ISE 5000. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7, Châu Âu
VIII	Phần thứ 8 test tổng phân tích nước tiểu, ma túy, HCG			
1	Test thử xét nghiệm định tính Morphine	Test	200	Test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
2	Test thử xét nghiệm định tính THC	Test	200	Test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
3	Test thử xét nghiệm định tính Amphetamine	Test	200	Test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
4	Test thử xét nghiệm định tính Methamphetamine	Test	200	Test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
5	Test thử xét nghiệm định tính HCG	Test	50	Test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
6	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que	18.000	Thông số đo: Glucose, Albumin, Protein, Urobilinogen, Bilirubin, Creatinine, pH, máu, Ketones, Nitrite, và Leukocytes. Yêu cầu sử dụng tương thích với máy phân tích nước tiểu. Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy XN nước tiểu AutionIDaten AE-4070. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương
7	Hóa chất nội kiểm test TPT nước tiểu	ml	144	Sử dụng hoàn toàn phù hợp với máy XN nước tiểu AutionIDaten AE-4070. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương



Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo văn bản số: 2093/BVND-VTTBYT ngày 12/5/2026 của BVĐK Nam Định)

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho vật tư xét nghiệm sử dụng thường xuyên 6 tháng của Bệnh viện Đa khoa Nam Định như sau:

1. Danh mục báo giá

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Mô tả đặc tính kỹ thuật của hàng hóa báo giá
I	Vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm thuộc gói									
1	Hàng hóa A									
2	Hàng hóa B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)